

The concept of destiny in Vu Phuong De's *Công dư tiếp ký*

ABSTRACT

Confucianism is a political and ethical doctrine that has a profound and pervasive influence in Vietnamese medieval literature, in which the concept of destiny stands out. From the influence of the concept of destiny, Vu Phuong De's *Công dư tiếp ký* has shown the richness and diversity of the content as well as the appeal of the art of recording and storytelling. Reflecting reality with the concept of destiny, Vu Phuong De's portrait stands out as the type of Confucian author who practices his way: using literature as an effective means to encourage good and eliminate evil; expressing pride and self-respect for the fine traditions of his country. Despite the general limitations of history in explaining social issues, Vu Phuong De's *Công dư tiếp ký* is a genuine, multi-valued work, playing the role as a bridge for the development of *ký* (literary genre) in particular, and Vietnamese narrative prose in the 18th and 19th centuries in general.

Keywords: *The concept of destiny, Công dư tiếp ký, Vu Phuong De.*

Quan niệm thiên mệnh trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề

TÓM TẮT

Nho giáo là học thuyết chính trị - đạo đức có tầm ảnh hưởng sâu rộng, xuyên suốt trong văn học viết trung đại Việt Nam, trong đó nổi bật là ở quan niệm thiên mệnh. Từ những biểu hiện và sự chi phối của quan niệm thiên mệnh, *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề đã cho người đọc thấy được sự phong phú, đa dạng về nội dung phản ánh cũng như sự hấp dẫn ở nghệ thuật ghi chép, kể chuyện. Phản ánh hiện thực bằng cái nhìn gắn với quan niệm thiên mệnh, chân dung Vũ Phương Đề hiện lên trong tập ký nổi bật là kiểu tác giả nhà Nho hành đạo, dùng văn chương như một phương tiện hữu hiệu để khuyến thiện trừ ác; thể hiện rõ lòng tự hào, tự tôn về những truyền thống tốt đẹp của đồng tộc, quê hương, đất nước. Dù còn mang hạn chế chung của lịch sử, thời đại trong việc lý giải những vấn đề xã hội, nhưng *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề đã là tập ký đích thực, đa giá trị, giữ vai trò cầu nối cho sự phát triển của thể ký nói riêng, văn xuôi tự sự Việt Nam thế kỷ XVIII – XIX nói chung.

Từ khóa: *Quan niệm thiên mệnh, Công dư tiếp ký, Vũ Phương Đề.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vũ Phương Đề (1698-1761), quê ở tỉnh Hải Dương. Tác phẩm duy nhất hiện còn của ông cho đến nay chính là tập *Công dư tiếp ký*. Đây là một trong những tác phẩm ký trung đại tiêu biểu, có ảnh hưởng và đóng góp lớn trong thành tựu văn xuôi chữ Hán Việt Nam thế kỷ XVIII - XIX.

Từ cuối thế kỷ XX đến nay, tập ký này của ông đã được các học giả, nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu, khai thác giá trị của tác phẩm ở nhiều phương diện khác nhau. Người sưu tầm, khảo cứu văn bản tác phẩm gắn với việc làm sáng tỏ vấn đề tác giả.¹⁻⁶ Người đi sâu tìm hiểu đặc điểm nghệ thuật của tác phẩm.⁷⁻⁹ Người lại nghiên cứu giá trị, đóng góp chung của thể loại văn xuôi tự sự, ký, trong đó có sự góp mặt của tập *Công dư tiếp ký*,...¹⁰⁻¹² Tuy nhiên, cho đến nay, chúng tôi nhận thấy vẫn chưa có một bài viết, công trình chuyên sâu, mang tính hệ thống nghiên cứu quan niệm thiên mệnh trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề, nhất là ở những biểu hiện và sự chi phối cụ thể của quan niệm này đối với những vấn đề nội dung trong tập ký.

Công dư tiếp ký của Vũ Phương Đề là tập ký có sự phong phú về nội dung phản ánh; chứa đựng nhiều giá trị văn hóa, văn học thời trung đại. Nghiên cứu những biểu hiện và sự chi phối của quan niệm thiên mệnh trong tập ký này

của ông sẽ giúp chúng ta giải mã được nhiều giá trị văn hóa, văn học còn ẩn tàng trong tác phẩm, góp thêm một điểm nhìn tham chiếu trong việc định hình đặc trưng thể loại ký, khẳng định giá trị tác phẩm trong tiến trình vận động của thể loại ký trung đại Việt Nam nói riêng cũng như văn xuôi trung đại Việt Nam nói chung. Kết quả nghiên cứu của đề tài cũng là cơ sở lý thuyết và thực tiễn góp phần giúp giáo viên, giảng viên có thể giảng dạy tốt hơn tác phẩm văn học trung đại Việt Nam thuộc thể loại ký trong chương trình Ngữ văn trung học, đại học.

Để làm sáng rõ vấn đề nghiên cứu trong bài viết này, chúng tôi sử dụng phương pháp, hướng tiếp cận chủ yếu là văn hóa học; đồng thời kết hợp với một số thao tác nghiên cứu khác như: so sánh, phân tích, khái quát hóa. Phạm vi nghiên cứu của bài viết là văn bản tác phẩm *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề (gồm 44 bài ký), do Đoàn Thăng dịch, Trần Nghĩa giới thiệu, nhà xuất bản Văn học ấn hành năm 2001. Sở dĩ chúng tôi chọn văn bản này làm phạm vi nghiên cứu là bởi như nhà văn bản học Trần Nghĩa đã nhận định trong phần “Giới thiệu văn bản” của sách *Công dư tiếp ký*: văn bản *Công dư tiếp ký* hiện có 4 bản viết tay bằng chữ Hán, tàng trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, mang ký hiệu: A.44, VHv.14, VHv.1324/ 1-2, VHv.1324/ 1, “Trong số các dị bản vừa kể, bản A.44 có nội dung đầy đủ nhất, chữ viết ít sai sót nhất, do vậy

đã được chọn làm bản nền để dịch trong lần xuất bản này”.⁴

2. NỘI DUNG

2.1. Sự du nhập, ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, quan niệm thiên mệnh trong lịch sử, văn học trung đại Việt Nam

Ở Trung Hoa, học thuyết Nho giáo của Khổng Tử (551 TCN - 479 TCN) được phát triển từ tư tưởng ban đầu của Chu Công Đán (thời Tây Chu) nhằm mục đích quản lý, cai trị xã hội. Bởi vậy, đây là một học thuyết chính trị - đạo đức chứ không phải một học thuyết tôn giáo. Nội dung tư tưởng của học thuyết này đã dần được hoàn thiện và có sự thay đổi nhất định ở các mặt cơ bản: triết học, đạo đức, đường lối trị nước và giáo dục, nhờ những học trò xuất sắc của Khổng Tử và những nho sĩ đời sau như Tăng Tử, Tử Tư, Mạnh Tử, Tuân Tử, Đổng Trọng Thư, Hàn Dũ,... Tuy nhiên, phải đến thời Hán Vũ Đế (140 TCN – 87 TCN), Nho giáo mới bắt đầu được trọng dụng, nâng lên địa vị quốc giáo. Và từ đây, Nho giáo mới trở thành hệ tư tưởng chính thống dưới các triều đại phong kiến Trung Hoa, cũng như từng bước được truyền bá, ảnh hưởng đến hầu khắp các nước trong khu vực Đông Á, Đông Nam Á,...¹³⁻¹⁴

Ở Việt Nam, từ đầu Công nguyên, học thuyết tư tưởng Nho giáo đã được các quan lại Trung Hoa, nhất là Sĩ Nhiếp ra sức truyền bá. Tuy nhiên, suốt thời kỳ chống Bắc thuộc (179 TCN? – 938), Nho giáo đã vấp phải sự kháng cự mạnh mẽ của nhân dân ta, bởi bị xem là sản phẩm của kẻ thù xâm lược, lại truyền bá theo lối áp đặt. Đến những triều đại phong kiến độc lập, tự chủ đầu tiên như Ngô, Đinh, Tiền Lê, Nho giáo vẫn bị lép vế trước sự thịnh hành của Phật giáo, Đạo giáo. Phải đến thời nhà Lý, giai cấp phong kiến mới ngày càng nhận thấy Nho giáo là một hệ ý thức vững chắc với những hình mẫu về thiết chế xã hội, luật pháp, đạo đức có thể làm công cụ củng cố, bảo vệ vương quyền cũng như ổn định trật tự xã hội. Từ đây, học thuyết Nho giáo mới được nhà nước ta chính thức chủ động tiếp nhận, truyền bá, vận dụng. Bởi vậy, nội dung tư tưởng Nho giáo ở Việt Nam chịu ảnh hưởng chủ yếu là Tống Nho, có phần khắt khe, bảo thủ. Và Nho giáo đã luôn giữ địa vị quốc giáo từ cuối thời Trần đến thời Nguyễn, trở thành hệ tư tưởng chính thống làm nền tảng tinh thần chủ đạo trong xã hội phong kiến nước ta lúc bấy giờ.¹⁵

Vì là nền tảng tinh thần chủ đạo trong xã hội phong kiến suốt một thời gian dài nên tư tưởng Nho giáo đã ảnh hưởng đến nhiều mặt trong đời sống văn học trung cận đại Việt

Nam.¹⁶ Xét trên hệ tư tưởng chủ đạo chi phối đến sáng tác văn học, tư tưởng Nho giáo đã định hình nên loại hình tác giả đặc thù trong văn học trung đại Việt Nam: kiểu tác giả nhà Nho.¹⁷⁻¹⁹ Và trong những tình thế khác nhau, môi trường văn hóa – xã hội khác nhau, kiểu tác giả nhà Nho trong văn học trung đại lại tiếp tục phân hóa thành ba tiểu loại: nhà Nho hành đạo, nhà Nho ẩn dật, nhà Nho tài tử.²⁰⁻²¹ Qua sáng tác của họ, chúng ta nhận thấy biểu hiện và sự chi phối của tư tưởng Nho giáo vừa có điểm gặp gỡ lại vừa có những khác biệt: từ quan niệm văn học, quan niệm thẩm mỹ, nội dung phản ánh, cho đến thể giới nhân vật, hệ thống thể loại, các phương thức biểu đạt cụ thể.

Dù nằm trong giai đoạn khủng hoảng trầm trọng của chế độ phong kiến thế kỷ XVIII - XIX nhưng Nho giáo vẫn là hệ tư tưởng ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội cũng như đời sống văn học nước ta lúc bấy giờ. Xét riêng ở thể loại ký, như *Công dư tiếp ký* của Vũ Phụng Đề, hệ tư tưởng này đã biểu hiện, chi phối đến nhiều phương diện trong sáng tác. Ngoài việc tái hiện môi trường giáo dục - khoa cử gắn liền với sự truyền bá tư tưởng Nho giáo, học thuyết chính trị - đạo đức này đã “phủ sóng”, quy định đến nhiều phương diện của hiện thực xã hội được ghi chép, của đời sống nhân vật, và ở cả lời bình đàm của tác giả trong mỗi thiên ký. Những quan niệm, tư tưởng của học thuyết này thể hiện tập trung qua lời nói, hành động, nhất là cách ứng xử của nhân vật trước các biến cố, tình huống có vấn đề. Nó trở thành thước đo giá trị, nhân phẩm cũng như quyết định đến số phận cuối cùng của từng nhân vật. Nói cách khác, sự chi phối của tư tưởng Nho giáo đã là một trong những cơ tầng văn hóa sâu xa, là cơ sở quan trọng cho việc lý giải những giá trị nội dung, những vấn đề thi pháp của tập ký.²²⁻²³

Trong quá trình hoàn thiện học thuyết Nho giáo, nếu như Khổng Tử chưa có thái độ thực sự rõ ràng về thiên mệnh ở quan niệm triết học thì đến Mạnh Tử, ông đã tin vào mệnh trời. Và tư tưởng này ngày càng được nhấn mạnh trong Hán Nho, trở thành một trong những nội dung quan trọng của học thuyết Nho giáo. Theo đó, các Nho gia đã cho rằng: trời là một lực lượng siêu nhiên nằm ngoài con người nhưng lại có khả năng tỏ tường và tác động đến mọi vấn đề của con người, thời cuộc. Quan niệm này đã được các tác giả nhà Nho trong văn học trung đại Việt Nam tiếp thu một cách sâu sắc và thực hành trong khoa cử, làm quan, cũng như trong sáng tác văn học,... Và đây cũng là quan niệm nổi bật biểu hiện, chi phối sâu rộng nhất đến

nhiều vấn đề nội dung trong tập *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề.

2.2. Biểu hiện và sự chi phối của quan niệm thiên mệnh trong *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề

2.2.1. Vấn đề hưng vong của các triều đại

Trong tập *Công dư tiếp ký*, đứng trước một vấn đề lớn lao, tác động đến cả xã hội, thời cuộc là sự hưng vong của các triều đại, Vũ Phương Đề đã viện dẫn, lý giải điều này bằng quan niệm thiên mệnh.

Cụ thể như trong thiên ký *Truyện mộ tổ nhà Trần*, tác giả ghi chép lại việc một người họ Trần làm nghề đánh cá trên sông, vì có công cứu vớt một thầy địa lý người Trung Quốc nên được thầy chỉ cho ngôi đất quý để táng mộ tổ họ Trần. Nhờ thế, về sau, Trần Cảnh mới được Chiêu Hoàng nhường ngôi cho, mở ra cơ nghiệp nhà Trần. Đến cuối đời Trần, vì các vua Trần “đổi đũa kém tử tế” với con cháu thầy địa lý, không như giao ước nên đã mắc mưu của thầy địa lý trong sấm thư để lại. Cụ thể, vua Trần sai người thực hiện khơi thông thủy đạo cho mộ tổ như chỉ dẫn trong sấm thư, không ngờ đã đào đứt long mạch, khiến nhà Trần suy vi, rồi bị Hồ Quý Ly truất ngôi. Cuối tác phẩm, tác giả chốt lại sự việc bằng lời luận đàm: “Xét ra nhà Trần trị vì chỉ được từng ấy năm, đó là do ở mệnh trời, chứ sức người làm thế nào được”.⁴

Như vậy, theo họ Vũ, dù có liên quan tới quan niệm phong thủy, nhưng suy cho cùng, lý do khiến nhà Trần hưng hay vong là do trời định đoạt. Điều đó nằm ngoài ý muốn chủ quan của con người, con người vì thế chỉ còn biết thuận theo ý trời. Điều này chúng ta cũng đã từng thấy trong các tác phẩm văn xuôi chữ Hán trước đó. Như trong tập *Truyện kỳ mạn lục*, ở tác phẩm *Câu chuyện ở đền Hạng vương*, qua cuộc đối đáp giữa Hồ Tôn Thốc và Hạng vương, Nguyễn Dữ đã mượn lời nhân vật mà xác tín về sự thịnh suy, hưng vong của các triều đại là bởi trời: “Nhưng rồi Sở phải chết vì Hán, há chẳng phải là bởi trời ư? Vậy thì khi trời định giúp Hán, dù kẻ thối kèn, dật chiếu cũng đủ để thành công; khi trời định diệt Sở, dù người cát vạc, nhô núi cũng khôn thể nói giỏi... Vậy sự hưng vong của Hán, Sở chỉ là do ở sự may rủi của trời mà thôi, há nên lấy thành bại mà so bì ư?”. Tin vào mệnh trời, cho nên từ nhân vật được kể cho đến người kể chuyện chưa hề có ý thức hoài nghi về những tín điều cổ hữu, chưa nghĩ đến nguyên nhân nảy sinh từ trong lòng xã hội phong kiến xuất phát từ những bất bình đẳng, áp bức, bất công,... tạo nên mâu thuẫn giai cấp và giải quyết mâu thuẫn ấy bằng những cuộc đấu

tranh, thanh trừng, dẫn đến những biến cố, sự ra đời của các triều đại mới.

Là nhà Nho, từng đỗ Tiến sĩ (1736) và trải qua nhiều chức vụ (Hiệp đồng đạo Đông Triều: 1741, Đốc đồng trấn Kinh Bắc: 1744, Đông các Hiệu thư: 1747, Tham chính xứ Sơn Nam: 1750, Đông các học sĩ kiêm Kinh Bắc Tham chính: 1759)⁵, bởi vậy, Vũ Phương Đề không thể không quan tâm đến chính sự. Hơn thế nữa, đứng trước những biến thiên, sự bộn bề, phức tạp của hiện thực thế kỷ XVIII càng khiến Nho sĩ đương thời như ông nghĩ nhiều về thời cuộc, nhất là sự hưng vong của các triều đại. Điều đáng nói là, xuất phát từ những hạn chế của lịch sử, giai cấp mà nhiều tác giả nhà Nho khi lý giải về các vấn đề xã hội, họ chưa có được cái nhìn khách quan, duy lý, thay vào đó thường là cái nhìn chủ quan, duy linh, siêu hình vốn có nguồn gốc từ trong những học thuyết tư tưởng, tín ngưỡng thịnh hành đương thời, nổi bật là quan niệm thiên mệnh trong học thuyết Nho giáo.

2.2.2. Vấn đề thừa tự, nối dõi tông đường

Ở một phạm vi hẹp hơn là trong gia đình, dòng tộc, *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề còn cho thấy biểu hiện và sự chi phối của quan niệm thiên mệnh đến vấn đề thừa tự, nối dõi tông đường. Đây cũng là một phương diện nổi bật trong quan niệm của lễ giáo phong kiến đương thời.

Vấn đề trên được minh định cụ thể qua thiên ký *Truyện Bàng nhân Nguyễn Toàn An*. Truyện kể về bi kịch của Nguyễn Toàn An. Năm 23 tuổi, Nguyễn Toàn An đỗ Hương cống khoa Nhâm Thìn (1472), rồi vào thi Hội và thi Đình, lại đỗ Bàng nhân. Ông vinh quy chưa được bao lâu thì bố ông chết. Thời bấy giờ, pháp chế rất nghiêm. Người nào trong khi để tang bố mẹ mà vợ có thai, thì không được ra làm quan. Ông thủ chế ba năm, không dám gần vợ. Đến khi hết tang thì ông mất, thành ra tuyệt tự. Vua được tin ấy, rất lấy làm thương xót, và từ đó, việc cấm sinh đẻ khi chịu tang mới được bãi trừ. Từ bi kịch của nhân vật Nguyễn Toàn An, tác phẩm đã phần nào hé mở ra cho độc giả nhận thức được về sự khắt khe, bất cập, mâu thuẫn, thậm chí là thiếu tính nhân văn trong pháp chế, đạo đức, lễ giáo phong kiến: Nguyễn Toàn An vì muốn thực hiện theo pháp chế để tỏ lòng hiếu kính với cha mẹ nhưng rồi lại trở thành người con bất hiếu bởi “tuyệt tự”, không có người nối dõi.

Nhưng đó là nhận thức của độc giả có được từ hiện thực khách quan ghi chép trong tác phẩm chứ không xuất phát từ chủ ý phê phán của tác giả. Là bởi, sau khi nói về bi kịch của

Nguyễn Toàn An, cuối tác phẩm, Vũ Phương Đề đã mượn lời thơ của nhân vật Quang Bí để vừa ai hoài, vừa giải thích cho bị kịch ấy bằng triết lý siêu hình từ quan niệm thiên mệnh của Nho giáo chứ không phải bằng cái nhìn biện chứng từ hiện thực khách quan của xã hội: “Địa hạ tu văn tri hữu mệnh/ Phong tài sắc thọ nại thiên hà” (Dưới đất sửa văn biết có mệnh trời/ Tài hơn thọ kém, đó là tự trời, biết làm thế nào).⁴ Nói như vậy nghĩa là việc Nguyễn Toàn An không có con thừa tự, nối dõi cho dòng họ, tổ tông chung quy lại cũng là bởi trời. Và đứng trước sự sắp đặt của bàn tay con tạo, những người như Nguyễn Toàn An chỉ còn biết an phận.

Từ chỗ chịu sự dẫn dắt, chi phối của quan niệm thiên mệnh, phần lớn những nhân vật trong tập ký của Vũ Phương Đề trở thành nhân vật tư tưởng, còn nặng tính chất chức năng, là phương tiện để tác giả giảng giải cho một học thuyết, tín ngưỡng hay chuyển trở một đạo lý sống nào đó chứ chưa có được sự hồn nhiên, tự nhiên, chân thực như vốn có của con người ngoài đời thực. Các nhân vật vì thế thường hiện lên đơn diện, hành động thống nhất một chiều, gần với những nhân vật trong truyện dân gian, hay như trong những tập truyện chí quái, truyền kỳ ở những giai đoạn trước của văn học viết trung đại (*Việt điện u linh*, *Lĩnh Nam chích quái*, *Nam ông mộng lục*, *Truyện kỳ mạn lục*,...). Nhân vật chưa có được sự chuyển biến, phong phú về đời sống nội tâm như trong sáng tác ký sau này (*Thượng kinh ký sự*).

2.2.3. Vấn đề đỗ đạt trong khoa cử

Công dư tiệp ký của Vũ Phương Đề phần lớn là những mẩu chuyện ghi chép về các nhân vật cụ thể vốn đã được lưu truyền trong dân gian, sử sách nước ta. Vậy nên, quan niệm thiên mệnh trong tập ký được biểu hiện, chi phối chủ yếu đến phạm vi cá nhân mỗi người hơn là đến quốc gia, dân tộc, triều đại, dòng tộc, gia đình nói chung. Các nhân vật được ghi chép trong tập ký của Vũ Phương Đề tập trung ở những danh thần, danh Nho, những tấm gương tiết nghĩa, chí khí. Họ là những đấng nam nhi, Nho sĩ mang trong mình lý tưởng nhập thế tích cực của Nho giáo, chủ yếu tiến thân bằng con đường khoa cử. Trong chí trai của họ, công danh như một món nợ mà thân nam nhi nào cũng phải trả trong cuộc đời. Bởi vậy, chuyện thi cử, đỗ đạt, với họ đã trở thành mối quan tâm thường trực: là niềm vui, niềm tự hào, nỗi buồn, hay có khi là nỗi lo canh cánh. Ngoài nguyên nhân may rủi, cố công rèn luyện, hoặc có bẩm tính thông minh hơn người dẫn đến chuyện các Nho sĩ đỗ đạt hay không trong các kỳ thi, tác giả còn đề cập đến căn nguyên từ sự chi phối của thiên mệnh.

Truyện mộ tổ ở Vịnh Kiều – phụ chép truyện Hiến Tích trong *Công dư tiệp ký* là một trong những minh chứng tiêu biểu cho biểu hiện và sự chi phối của quan niệm thiên mệnh đối với vấn đề thi cử của Nho sĩ đương thời. Truyện đề cập đến một hiện tượng lạ ở trường thi về nhân vật Hiến Tích. Trong trường thi, Hiến Tích vừa uống rượu say sưa, hát xướng nghêu ngao vừa làm bài. Bài thi của Hiến Tích vốn chỉ gia công, để gọt lại ít câu chữ từ bài của người khác, đã thế lại làm bằng chữ Nôm chứ không phải bằng chữ Hán,... vậy mà cuối cùng vẫn được lấy đỗ. Giải thích cho sự lạ ấy, một mặt, Vũ Phương Đề đã nhận ra thực trạng về sự thiếu quy củ, xuống cấp trong giáo dục – khoa cử nước ta lúc bấy giờ, điều mà nhiều tác giả văn học trung đại Việt Nam cùng giai đoạn thế kỷ XVIII – XIX, như Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án cũng đã đề cập trong các sáng tác ký của mình: *Vũ trung tùy bút*, *Tang thương ngẫu lục*. Mặt khác, ông cũng tin rằng kết quả thi đỗ hay hỏng ở mỗi Nho sĩ còn do số phận trời đã định đoạt: “Nay Hiến Tích lấy chữ Nôm được đỗ, có lẽ là một việc ngoa truyền. Hoặc giả thời bấy giờ thi cử không có quy củ cho nên mới có sự lạ ấy. Nhưng qua đó để thấy học là ở người, còn đỗ hay hỏng là do số phận”.⁴

Để làm tăng tính chất quan trọng, trang nghiêm của chuyện đỗ đạt trong khoa cử, ở một số tác phẩm, Vũ Phương Đề còn mượn yếu tố kỳ ảo là lời của các vị thần, hay ở không gian siêu thực nhằm truyền bá quan niệm thiên mệnh. Ví như, *Truyện Thám hoa Quách Giai* kể việc tên ăn trộm nghe được các thần nhân trong đền nói về việc Thượng Đế đã quyết định cho một Thám hoa giáng sinh xuống xã Phù Khê, và người ấy chính là Quách Giai. Hay *Truyện Thượng thư Vũ Công Đạo* kể việc yết bảng các Tiến sĩ đã được thực hiện trước đó ở cửa Thiên Đình: “Đến khi yết bảng, đúng như lời bà lão nói, những người thức giả đều cho việc gì cũng có tiền định, mà việc yết bảng các Tiến sĩ ở cửa Thiên Đình không phải là việc ngoa truyền”.⁴ Cùng là thể ký, nhưng sáng tác ký của những tác giả sau Vũ Phương Đề, như Trần Tiến, Phạm Đình Hổ, Lê Quýnh, Lê Hữu Trác, Lý Văn Phức,... đậm chất hiện thực, tự thuật hơn là sử dụng những yếu tố kỳ ảo, hoang đường. Qua đó cho ta thấy, trong thế giới quan của Vũ Phương Đề nói riêng, tác giả văn học trung đại nói chung vừa có thế giới hiện thực nơi con người đang sống, vừa có những thế giới siêu thực khác, và giữa các không gian này luôn có mối tương liên, tương thông.

Ở *Công dư tiệp ký* của Vũ Phương Đề, những tác phẩm ký có biểu hiện, chi phối của

quan niệm thiên mệnh đến vấn đề đỗ đạt trong khoa cử thường ghi chép lại chuyện về những danh thần, danh Nho, những tấm gương tiết nghĩa, chí khí có thật trong lịch sử, nhất là những con người liên quan đến dòng tộc họ Vũ, gắn với những không gian văn hóa cụ thể. Vậy nên, nhiều thiên ký trong tập ký này mang tính thần khảo cứu, liên quan đến lịch sử, địa lý, phong tục vùng miền của đất nước ta, có phần tương đồng với giá trị nội dung trong tập ký *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hổ. Bên cạnh đó, qua tập ký này, Vũ Phương Đề còn thể hiện rõ lòng tự tôn, tự hào về bản thân, dòng tộc, quê hương, đất nước, đặc biệt là ở truyền thống khoa bảng cùng nhiều giá trị tốt đẹp khác ở con người, trong đó có những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Đó cũng là “niềm cảm hứng chủ đạo, quán xuyến các tác giả trong mạch chảy của văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại”.⁵

2.2.4. Vấn đề hợp tan trong đời sống con người

Chuyện hợp tan trong đời sống con người cũng là một trong những vấn đề lớn. Với những tác giả sống trong giai đoạn lịch sử có nhiều biến động dữ dội như Vũ Phương Đề thì vấn đề hợp tan của con người càng trở thành chủ đề thu hút nhiều sự quan tâm, lý giải. Cùng giải thích cho nguyên nhân dẫn đến sự gặp gỡ hay chia ly trong các mối quan hệ giữa con người với con người, nếu như Phật giáo dùng đến quan niệm về chữ duyên, chữ nghiệp thì Nho giáo lại dùng đến quan niệm thiên mệnh. Trước sau, trong trang đời cũng như trang văn, Vũ Phương Đề nổi bật là một nhà Nho hành đạo. Vậy nên, ông càng chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng Nho giáo, nhất là quan niệm thiên mệnh, và thường lấy đó làm nền tảng tư tưởng tinh thần, lý luận để lý giải những vấn đề tồn tại trong hiện thực xã hội, trong đó có vấn đề hợp tan của đời sống con người.

Một trong những tác phẩm của tập *Công dư tiếp ký* thể hiện vấn đề trên là *Truyện Trạng nguyên xã Dĩnh Kế*. Truyện kể về Trạng nguyên tên là Giáp Hải. Giáp Hải vốn là con của một người mẹ đơn thân, ở xã Công Luận, huyện Văn Giang. Khi lên 4 tuổi, một lần ra chơi ở sông, ông bị một người ở xã Dĩnh Kế, huyện Phượng Nhãn đi thuyền qua đây bắt trộm mang về nuôi. Vốn có tư chất thông minh, lại được yêu quý, cho ăn học từ tế nên Giáp Hải đã đỗ Trạng nguyên. Hôm được làm lễ vinh quy, vì người làng phải phục dịch vất vả, tỏ ra khó chịu nên có người đã bảo: “- Ông ấy là người ở đâu tự nhiên lưu lạc đến đây, làm phiền làng ta”.⁴ Nghe được điều đó, Giáp Hải đã tìm cách dò hỏi những người thân cận. Biết được sự thật, ông đã lập tức

đến làng Công Luận để dò xét tung tích người mẹ ruột của mình. Nhờ vẫn còn dấu tích từ nhỏ là nốt ruồi đỏ ở chân Giáp Hải mà người mẹ nghèo đã nhận ra ông là đứa con đã bị thất lạc bấy lâu. Được gặp lại mẹ, vừa mừng vừa tủi, ông đã than rằng: “Ta một đời phiêu dạt, không biết có mẹ. Nay mới được gặp, thực là có trời”.⁴ Như vậy, với Giáp Hải, việc mình tìm gặp lại được người mẹ sau bao nhiêu năm lưu lạc là do trời đã thấu cảm và sắp đặt.

Việc dùng trời để lý giải cho sự tái ngộ của hai mẹ con Giáp Hải như là cách để tác giả khẳng định, nhấn mạnh giá trị của lòng tốt, đức độ ở con người. Mẹ của Giáp Hải tuy nghèo khổ nhưng lại có tấm lòng bao dung, trung thực. Còn Giáp Hải không chỉ có tư chất thông minh, chăm học mà còn là một người con chí hiếu. Chính nhân phẩm tốt đẹp của họ đã thấu cảm đến trời; được trời soi xét, đền đáp bằng cuộc tái ngộ và có được cuộc sống tốt đẹp. Đó cũng là quy luật bù trừ, lẽ công bằng mà trời vẫn thường thực thi theo tư tưởng Nho giáo. Điều này cũng thường được các tác giả văn học trung đại vận dụng trong sáng tác. Ví như trong kiệt tác *Truyện Kiều*, sau khi phải nếm trải đủ mùi cay đắng suốt mười lăm năm lưu lạc, Thúy Kiều đã được đoàn viên cùng gia đình, được gặp lại người tình lý tưởng Kim Trọng. Theo lời của nhân vật Kim Trọng, đó là ý trời: “Trời còn để có hôm nay/Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời”. Và đó cũng là quan niệm của Nguyễn Du, như tác giả đã khái quát ở cuối tác phẩm: “Ngẫm hay muôn sự tại trời”.

Những câu chuyện trong các thiên ký của tập *Công dư tiếp ký*, như *Truyện Trạng nguyên xã Dĩnh Kế* thật gần gũi với quan niệm truyền thống thường thấy trong truyện dân gian, rằng: ở hiền thì sẽ gặp lành, được trời, Phật cứu giúp. Việc lựa chọn, tái tạo lại những câu chuyện mắt thấy tai nghe, sinh động, hấp dẫn như vậy chính là cách các tác giả nhà Nho như Vũ Phương Đề dùng để dẫn dắt, khuyên thiện người đời, đúng với mục đích của sách đã được ông nói ở phần bài tựa: “Nhưng trong sự ghi chép sơ lược ấy, có nhiều điều ngụ ý khuyên răn, khả dĩ dùng để đọc khi nhàn hạ”.⁴

2.2.5. Vấn đề sống chết của một kiếp người

Từ xưa, trong kiếp nhân sinh, con người ta đã nghiệm ra hai nỗi đau khổ lớn, đó là sinh ly và tử biệt. Sống mà phải xa nhau đã là khổ, nhưng chết là mất nhau hoàn toàn lại càng đau khổ. Dẫu biết chuyện tử biệt nằm trong quy luật sinh hóa, không thể nào khác được, nhưng mấy ai lại không lo lắng, buồn thương trước sự cận kề của tuổi già, cái chết. Bởi vậy, từ thời cổ đại, con

người ta đã nghĩ ra nhiều quan niệm trong những học thuyết, tín ngưỡng về sự tồn tại của các cõi khác với cõi trần, sự luân hồi của các kiếp như một liệu pháp nhằm thỏa mãn khát khao được tiếp tục sống. Đồng thời, đó cũng là cách để giáo dục mỗi cá nhân ở cõi trần biết trân trọng sự sống, và nhất là biết thực thi những điều tốt đẹp.

Nói về sự sống chết của một kiếp người, độc giả sẽ ấn tượng nhiều với thiên ký *Truyện ông lão mang lột hổ* trong tập *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề. Truyện kể về một gia nhân theo một anh thư sinh tham gia vào đoàn quan quân của triều đình đi tiêu trừ giặc cướp nổi lên quấy rối nhân dân ở xứ Hưng Hóa. Một đêm, anh thư sinh đang ngồi đọc sách thì thấy một con chuột ngậm một cành lá đẩy lên mặt gia nhân này tới ba lần. Cho rằng đây là điềm chẳng lành, sáng ra, anh thư sinh đã kể cho người gia nhân biết rồi cho phép người ấy về thăm nhà. Trên đường về nhà, trời tối, anh gia nhân bị lạc vào rừng, phải ngủ trên cây, đến mờ sáng thì thấy một cảnh tượng rừng rợn: đó là hình ảnh một ông lão trút lột hổ ra gổ đầu ngủ bên đồng xương người, sau khi đã ăn thịt người no nê. Nhân lúc ông lão ngủ say, người gia nhân này đã lấy giấu đi lột hổ, khiến ông phải nói ra sự thật, rằng ông được Thiên Đế giáng xuống trần để thực thi lẽ công bằng: “- Những người bị ta ăn thịt đều do Thiên Đình định số. Những người ấy hoặc kiếp trước có nghiệp chướng, hoặc kiếp này phạm nhiều tội ác, cho nên Thiên Đế mượn tay ta để thi hành ác báo”.⁴ Không tin vào lời ông lão, anh gia nhân đã được ông lão khạc từ trong miệng lấy ra một cuốn sổ, trong đó ghi chép rõ ràng họ tên, quê quán và thời gian của những người đã và sẽ bị hổ ăn thịt. Giờ xem đến tờ thứ ba trong cuốn sổ thì thấy có tên mình như điềm báo nên anh gia nhân đã thực sự tin và xin ông lão cứu giúp bằng cách trả lại lột hổ rồi được thoát chết. Còn như em trai của anh gia nhân cũng có tên trong cuốn sổ, dù được ông lão bày cách để có thể thoát chết nhưng cuối cùng vẫn không thoát được. Và như người kể trong thiên ký đã nói: “Em anh không tránh được cũng là do số trời đã định”.⁴

Không nằm ngoài bầu khí quyền của văn hóa trung đại, *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề chịu ảnh hưởng sâu sắc của những quan niệm, tín ngưỡng thịnh hành đương thời, nhất là từ trong những học thuyết Nho – Phật – Đạo. Bởi vậy, ở tác phẩm ký *Truyện ông lão mang lột hổ* nói trên, chúng ta thấy có sự giao thoa của cả quan niệm thiên mệnh trong tư tưởng Nho giáo và quan niệm nhân quả báo ứng trong tư tưởng Phật giáo, khi tác giả sử dụng đề

cho nhân vật ông lão mang lột hổ lý giải về sự sống chết của một kiếp người. Rằng kiếp trước hoặc kiếp này, vì tạo ra ác nghiệp nên người ta phải nhận ác báo bằng cái chết sớm hay muộn. Và thế lực tổ tường, thực thi lẽ báo ứng ấy lại là trời. Điều đó đã được trời ghi rõ trong sổ sách. Qua đó cho thấy, con người thời trung đại đã xác tín quan niệm: mọi biểu hiện của chốn trần gian, xã hội đều được trời tổ tường, quyết định, có ghi chép, theo dõi rất rõ ràng. Đó như là một sự thật hiển nhiên được các tác giả văn học trung đại chấp nhận và chưa có ý thức phản vấn, nhận thức lại. Ví như, từ trong giai đoạn đầu của văn học viết trung đại, tác giả của *Nam quốc sơn hà* cũng đã từng viết: “Nam quốc sơn hà Nam đế cư/ Tiệt nhiên định phận tại thiên thư (Sông núi nước Nam đã có vua Nam cai quản/ Ranh giới địa phận đã được ghi rõ ở sách trời). Hay như trong *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ, nhân vật người mẹ chồng của Vũ Nương trước khi mất cũng đã tin rằng: “Ngấn dài có số, tươi héo bởi trời”.

Là một nhà Nho nhưng Vũ Phương Đề vẫn am tường và sử dụng triết lý của nhà Phật để lý giải các hiện tượng trong đời sống. Điều này không chỉ có tác giả, mà đã trở thành một đặc điểm chung của các Nho gia đương thời. Dù chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng Nho giáo gắn liền với nghiệp khoa cử, làm quan nhưng họ cũng không vì thế mà quay lưng chống Phật, bài Phật; luôn tiếp thu, chịu ảnh hưởng ít nhiều quan niệm từ trong các học thuyết, tín ngưỡng khác như một lẽ tất yếu và cũng là cách làm cho kiến văn của mình được sâu rộng hơn. Mặt khác, nhiều tôn giáo, tín ngưỡng đều có đặc điểm chung tích cực là tinh thần khuyến thiện đối với con người, trong đó, Phật giáo lại có nhiều quan niệm, tư tưởng rất gần gũi, tương đồng với tâm thức của người Việt nên được đông đảo người dân tiếp thu một cách thâm lặng, tự nguyện, kể cả các nhà Nho. Và nhất là khi đứng trước hiện thực cuộc sống bộn bề, những vấn đề xã hội phức tạp, những chuyện của muôn đời, thông thường, các tác giả nhà Nho đều không thể thỏa mãn khi chỉ sử dụng tư tưởng Nho giáo để lý giải. Với việc sử dụng cả tư tưởng Nho giáo và Phật giáo trong tập ký nói chung, tác phẩm ký *Truyện ông lão mang lột hổ* nói riêng, Vũ Phương Đề cũng như bao nhà Nho đương thời đã thống nhất quan niệm văn chương như một phương tiện để truyền tải đạo lý, răn dạy người đời (Văn dĩ tải đạo). Đúng như trong phần bình đàm cuối truyện, tác giả đã viết: “Truyện này coi như là một truyện hoang đường. Tuy không nên tin hẳn nhưng cũng có thể lấy đó mà suy xét đến điều thiện điều ác, người nghe chuyện tất phải cố gắng làm điều thiện”.⁴ Sử dụng lời bình đàm

cuối tác phẩm như trên cũng là cách tác giả đang cố gắng thể hiện cái nhìn trực tiếp, có chủ kiến, đậm chất trữ tình – một trong những đặc trưng cơ bản của thể loại ký nói chung.

2.2.6. Vấn đề được mất ở đời

Trong *Công dư tiếp ký*, nhiều vấn đề được, mất ở đời đã được Vũ Phương Đề tiếp tục giải thích từ căn nguyên bởi trời, theo quan niệm thiên mệnh trong tư tưởng Nho giáo.

Với những ai được, mất tiền của, đó là điều ngẫu nhiên may, rủi. Nhưng người xưa lại cho rằng, đó là ý trời. *Truyện một tổ ở Vịnh Kiều – phụ chép truyện Hiên Tích* trong tập *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề là một ví dụ. Truyện kể về Nguyễn Phúc Ngộ đào được ba thùng bạc của một người bên Trung Quốc chôn dưới gốc cây bồ đề cổ thụ gần nhà. Theo tờ sấm của tiên nhân, một người khách Trung Quốc đã sang An Nam tìm lại số bạc nhưng biết Phúc Ngộ đã đào được nên tìm gặp và đành nói: “- Tôi vì đi săn của tiên nhân lận lợi đến đây, không hay trời đã cho ông rồi”.⁴ Vì Nguyễn Phúc Ngộ vốn là người hay làm việc thiện nên đã nhất quyết trả lại số bạc đào được cho người khách: “- Tôi đây há không quý tiền bạc hay sao? Nhưng số bạc này không phải của tôi. Trời chỉ sai tôi giữ cho ông, cho nên tôi phải cất đi để đợi ông. Vậy ông đừng từ chối nữa!”.⁴ Trong lời đối đáp của cả hai nhân vật ở trên đều dùng đến quan niệm thiên mệnh để nói về chuyện được, mất tiền của. Đó không chỉ đơn giản là niềm tin có trời mà còn là cơ sở lập luận trong đối đáp, ứng xử. Và qua đó, phẩm chất, tính cách của nhân vật đã được hiện lộ, khắc họa rõ nét hơn.

Trong *Công dư tiếp ký*, với những người có nhiều công đức thì còn được trời giáng sinh xuống trần gian đảm nhiệm những trọng trách, như sư Huyền Minh trong *Truyện chùa Quang Minh làng Hậu Bổng*. Một đêm nằm ngủ, sư Huyền Minh mơ thấy Phật Di Đà tới nói với mình rằng “- Nhà ngươi có công với Phật giáo, đến nay đã được nhiều năm. Tâm lòng từ bi của ngươi đã thấu đến Thượng Đế. Kiếp sau, ngươi được giáng sinh xuống làm vua quốc Hoàng Đế”.⁴ Hoặc có khi, chỉ qua một nghĩa cử cao đẹp của một ai đó cũng đủ thấu cảm đến trời, Phật và sẽ được đền đáp xứng đáng. Như người mẹ của Duy Chí trong *Truyện Tể tướng xã Mộ Trạch*, sau khi nhặt được và trả lại bố lụa cho người đánh rơi ngoài chợ thì đã được trời, Phật chứng giám, phù trợ: “Hôm ấy trở về, bà nằm mơ thấy phía trước nhà có một đám mây năm sắc hiện ra, bà liền ôm lấy. Một lúc thì mây xanh đỏ tan trước. Sau bà sinh hạ được 5 con trai [...]. Tự Khoái từ lúc trẻ tuổi đã được gặp may và được

hưởng thọ hơn 60 tuổi. Duy Chí và Phương Đại đều công thành danh toại và kế tiếp nhau về trí sĩ. Bạt Tụy và Cầu Hối đều đỗ đại khoa, áo xiêm xanh đỏ, xuất thân đường chính, nhưng chức tước và tuổi thọ lại kém anh em, mới tin trong mộng thấy “mây xanh đỏ tan trước” là ứng nghiệm”.⁴ Ngoài dấu ấn của quan niệm thiên mệnh, những tác phẩm nêu trên dù được viết theo thể ký nhưng vẫn còn sử dụng nhiều yếu tố huyền bí, kỳ ảo như những truyện dân gian, truyền kỳ. Là bởi, phần lớn các tác phẩm trong tập *Công dư tiếp ký* ghi chép lại những chuyện vốn đã được lưu truyền, mang đậm tín ngưỡng dân gian. Hơn thế nữa, đây cũng là đặc điểm thường thấy ở các tác phẩm ký trung đại nói riêng, văn xuôi trung đại nói chung. Điều này là một trong những phương diện góp phần làm tăng tính hấp dẫn cho các tác phẩm trong tập ký này.

Trong tập *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề, chúng tôi còn nhận thấy tác giả ghi chép nhiều chuyện liên quan đến vấn đề được, mất cát huyệt (nơi chôn cất tốt). Những tác phẩm ký mang nội dung trên thường xuất hiện hình tượng nhân vật thầy địa lý tinh thông phong thủy, giỏi các chức thuật trong Đạo giáo, hay Phật giáo Mật tông, như sử dụng bùa chú, sấm thư, trừ yêu diệt tà,... Họ xuất hiện với tư cách vừa là người thừa hành, thực thi thiên mệnh, vừa là cầu nối để những người giữa cõi trần với những cõi khác có thể tương giao. Cụ thể, tùy vào việc ai đó làm được nhiều việc tốt hay làm điều ác mà trời sẽ để cho thầy địa lý chỉ cho hoặc lấy mất đi cát huyệt. Ai được cát huyệt để an táng cho tổ tiên thì con cháu trong nhà sẽ được đỗ đạt, có chức tước, giàu sang, trường thọ,... Nhưng nếu khi có cát huyệt, cuộc sống đã được như ý nguyện mà thay lòng đổi dạ, ăn ở không như giao ước thì sớm muộn họ cũng sẽ bị chuốc lấy tai họa (*Truyện một tổ nhà Trần*, *Truyện Trạng nguyên xã Đình Kế*, *Truyện Đình Tiên Hoàng*, *Truyện Trâu Canh ở xã Từ Trầm*,...). Những tác phẩm này, một lần nữa, cho độc giả thấy được tinh thần tam giáo đồng nguyên và cả sự hỗn dung, thừa tiếp giữa nội dung các học thuyết tư tưởng, tôn giáo với các tín ngưỡng dân gian trong văn hóa thời trung đại đôi khi khó có thể tách biệt rạch ròi. Và đây cũng là một trong những cơ sở khiến cho tập ký có sự phong phú về hệ thống chủ đề; mang cả giá trị văn học và văn hóa, lịch sử.

3. KẾT LUẬN

Như vậy, trong sự ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, những biểu hiện và sự chi phối từ quan niệm thiên mệnh đã trở thành vấn đề nổi bật, xuyên suốt trong tập *Công dư tiếp ký* của Vũ

Phương Đề. Sử dụng quan niệm thiên mệnh trong tập ký, tác giả đã có cái nhìn nhất quán trong việc lý giải các vấn đề xã hội cũng như xây dựng các loại hình nhân vật, nổi bật là kiểu nhân vật Nho sĩ lấy việc ứng xử hợp với lễ trời làm thước đo cho mọi giá trị.

Xét riêng ở những nội dung liên quan đến quan niệm thiên mệnh, *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề đã cho độc giả thấy được sự phong phú về chủ đề; mang cả giá trị văn học, lịch sử, văn hóa. Quan niệm thiên mệnh góp phần làm tăng tính chất trang nghiêm, tính quy phạm, sự hấp dẫn cho những thiên ký. Đồng thời, qua đó cũng cho thấy cái nhìn còn hạn chế của các tác giả văn học trung đại nói chung, Vũ Phương Đề nói riêng trong việc lý giải các vấn đề, hiện tượng đời sống còn thiên về duy tâm, chủ quan.

Phản ánh hiện thực từ góc nhìn của quan niệm thiên mệnh, *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề có lúc phơi bày những biểu hiện xuống cấp, suy tàn của chế độ phong kiến; của lý tưởng cũng như phép tắc ứng xử trong tư tưởng Nho giáo, lễ giáo phong kiến. Dẫu vậy, trước sau thống nhất trong tập ký, ông vẫn thể hiện giọng điệu răn dạy đạo đức, cảnh tỉnh xã hội, những mong lập lại trật tự phong kiến, tiếp tục khẳng định vai trò rường cột của tư tưởng Nho giáo. Qua những biểu hiện và sự chi phối của quan niệm thiên mệnh theo tư tưởng Nho giáo được sử dụng trong tập ký, Vũ Phương Đề nổi bật là kiểu tác giả nhà Nho hành đạo gắn với niềm tự hào về địa linh nhân kiệt của gia tộc, quê hương, đất nước.

Ghi chép lại nhiều câu chuyện nói về sự thường – phạt phân minh bởi trời, cùng lối kể chuyện mang màu sắc truyền thuyết, giai thoại dân gian sinh động, *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề đã thể hiện rõ quan niệm nhân sinh của các nhà Nho nhưng cũng hết sức gần gũi với quan niệm, khát vọng sống nói chung của nhân dân, nhất là với những người dân lao động. Bên cạnh đó, dù còn mang chất dân gian và tinh thần khảo cứu, chưa đậm chất tự thuật, cũng như tính nghệ thuật, nhưng các tác phẩm trong tập ký này đã giàu chất liệu hiện thực, tính thời sự hơn so với các tác phẩm chí quái, truyền kỳ trước đó. Nói cách khác, *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề đã thực sự hội tụ đủ những đặc trưng cơ bản của thể loại ký; xứng đáng giữ vai trò thừa tiếp, mạch nối cho sự phát triển của thể loại ký nói riêng, dòng văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam nói chung giai đoạn thế kỷ XVIII – XIX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. T. V. Giáp. *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm - nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, Tập 1-2, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1984.
2. N. Đ. Na. *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại*, Tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997.
3. T. Nghĩa (Chủ biên). *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 1997.
4. V. P. Đề. *Công dư tiếp ký* (Đoàn Thắng dịch, Trần Nghĩa giới thiệu), Nxb Văn học, Hà Nội, 2001.
5. N. V. Hoài. Đôi điều bổ sung thêm về tác giả và tác phẩm *Công dư tiếp ký*, <<http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/h%C3%A1n-n%C3%B4m/259-oi-iu-b-sung-them-v-tac-gi-va-tac-phm-cong-d-tip-ky.html>>, truy cập ngày 09/09/2024.
6. L. D. K. Minh. *Truyện truyền kỳ Việt Nam thời trung đại: diện mạo và đặc trưng nghệ thuật*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Học viện Khoa học xã hội, 2019.
7. Đ. T. T. Tiên. *Đặc điểm nghệ thuật “Công dư tiếp ký” của Vũ Phương Đề*, Luận văn thạc sĩ khoa học định hướng nghiên cứu, Trường Đại học Khoa học Huế, 2016.
8. L. T. H. Yến. Hai bức tranh xã hội trong kí viết về chuyện kì Việt Nam giai đoạn thế kỷ XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2*, 2020, 42, 5-11.
9. L. T. H. Vy. *Văn hóa tâm linh trong Công dư tiếp ký*, Đề án Thạc sĩ Văn học Việt Nam, Trường Đại học Quy Nhơn, 2023.
10. N. Đ. Na. *Đặc điểm văn học Việt Nam trung đại: Những vấn đề văn xuôi tự sự*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2003.
11. V. T. Hạng. *Những đóng góp của thể loại ký giai đoạn văn học thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX*, Luận văn thạc sĩ Văn học, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2007.
12. L. N. Thìn, V. Thanh (Đồng chủ biên). *Giáo trình văn học trung đại Việt Nam*, Tập 2, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2015.
13. D. Chính (Chủ biên). *Lịch sử triết học phương Đông*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2012.
14. T. T. Kim. *Nho giáo*, Nxb Thời đại, Hà Nội, 2012.
15. N. G. Phú. *Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam*, Tủ sách Đại học Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 1996.
16. T. Đ. Hựu. *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.
17. B. M. Điền. *Loại hình văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Đại học Vinh, Nghệ An, 2015.

18. T. N. Thìn. Kiểu tác giả của văn học trung đại. *Văn học Việt Nam (Từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX)*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012.
19. N. H. Sơn. Nhận diện loại hình tác gia văn học trung đại Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, **2013**, 10, 3-17.
20. T. N. Vương. *Loại hình học tác giả văn học: Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1995.
21. L. V. Tấn. *Văn học trung đại Việt Nam nhìn từ hai loại hình tác giả: nhà nho hành đạo và nhà nho ẩn dật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2020.
22. T. N. Thìn. *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2003.
23. T. Đ. Sử. *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005.